

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/HS-ST
Ngày: 17-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Phương Nam và bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HS ngày 22/02/2023, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 34/2023/TB-TA ngày 07/3/2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 52/2023/TB-TA ngày 04/4/2023, đối với các bị cáo:

1. Đặng Thị Kim A, sinh ngày 20/02/1988 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng H, sinh năm 1941 và bà Lê Thị L, sinh năm 1949; chồng: Nguyễn S, sinh năm 1985; con: có 05 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/7/2022 cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Tiến T, sinh ngày 01/9/1990 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn G, sinh năm 1965 và bà Phan Thị L1, sinh năm 1965; vợ: Trần Thị Mỹ T1, sinh năm 1995; con: có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/02/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 37/2023/HS-ST. Bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án khác từ ngày 29/10/2022 theo Quyết định khởi tố bị can số 198/QĐ-CQĐT-HS ngày 18/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, hiện đang chấp hành án. Có mặt.

3. Lê Hữu N (tên gọi khác: X), sinh ngày 02/02/1995 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp:

Thợ mộc; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê T2, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Thu T3, sinh năm 1972; vợ, con: không có; tiền án: 01 tiền án (Theo Bản án số 41/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”), tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” từ ngày 03/8/2022 cho đến nay. Có mặt.

4. Đỗ Dương Xuân M (tên gọi khác: X1), sinh ngày 10/12/1995 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Dương Xuân T4, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; vợ, con: không có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/7/2022 cho đến nay. Có mặt.

5. Phan D, sinh ngày 10/9/1979 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi thường trú: Xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ở hiện nay: Thôn D, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn Ú, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1950; vợ: Đoàn Thị H1, sinh năm 1989; con: có 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/7/2022 cho đến nay. Có mặt.

6. Đặng Văn L2, sinh ngày 04/02/1984 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng L3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị G1, sinh năm 1965; vợ: Cao Thị Cẩm N1, sinh năm 1991; con: có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/7/2022 cho đến nay. Có mặt.

7. Nguyễn Văn K (tên gọi khác: R), sinh ngày 13/12/1990 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn M, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn D1, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1964; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/7/2022 cho đến nay. Có mặt.

8. Lê Thị H2, sinh ngày 01/01/1965 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 0/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hữu H3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); chồng: Đặng T6, sinh năm 1965; con: có 04 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/10/2022 cho đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
 - + Ông Nguyễn Văn T7, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn K, xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
 - + Ông Võ Q, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.
 - + Ông Nguyễn S, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
- Người làm chứng: Chị Ngô Thị Thu V, sinh năm: 1992; địa chỉ: Tổ H, khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2022, Đặng Thị Kim A cùng chồng là Nguyễn S thuê mặt bằng của ông Phan C để xây nhà ở và kinh doanh cà phê, nước giải khát. Khoảng 14 giờ ngày 01/4/2022, Nguyễn Văn T7 cùng với Nguyễn Văn K, Võ Q và Nguyễn Tiến T đến quán của Kim A uống cà phê. Sau đó, T7, K, Q và T rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh bài xóc đĩa được thua bằng tiền. T7 làm cái và những người còn lại tham gia đánh bạc. T7 cùng cả nhóm lấy đĩa sứ, bát sứ, bài tú lơ khơ có sẵn tại nhà trọ của Kim A, lấy kéo cắt quân bài tú lơ khơ thành 04 con vị.

Cách thức đánh bạc cả nhóm thống nhất cụ thể như sau: Bỏ 04 con bài vị đã cắt lên đĩa sứ, sau đó úp bát sứ lên trên rồi người làm cái xóc đĩa. Những người tham gia đánh bạc đặt cược từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng rồi đặt chắn hoặc lẻ. Chắn được xác định là 04 con vị mặt cùng màu, mặt trắng hoặc mặt đen, còn lại xác định là lẻ. Sau khi người tham gia đánh bạc đặt cược xong thì người làm cái mở bát, so sánh các quân vị để xác định thắng thua. Nếu quân vị hiện lên 04 mặt trắng hoặc 04 mặt đen thì người chơi thắng bỏ tiền xâu từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng bỏ vào vỏ lon sữa do Đặng Thị Kim A chuẩn bị.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T7 và Q thua hết tiền nên nghỉ và không tham gia đánh bạc nữa. Lúc này, có thêm Lê Thị H2, Đỗ Dương Xuân M, Lê Hữu N, Phan D và Đặng Văn L2 đến và cùng tham gia đánh bạc. Sau khi T7 và Q nghỉ thì ngồi ở ngoài xem. T thay T7 làm cái và tiếp tục đánh bạc với những người khác.

Đến khoảng 16 giờ 55 phút cùng ngày, Lê Thị H2 thua hết tiền nên nghỉ và ngồi xem, còn những người khác tiếp tục đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, trong lúc Nguyễn Tiến T, Nguyễn Văn K, Đỗ Dương Xuân M, Lê Hữu N, Phan D và Đặng Văn L2 đang đánh bạc tại nhà trọ của Đặng Thị Kim A thì bị Công an tỉnh T phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền dùng đánh bạc trên chiếu bạc là 7.600.000 đồng; tiền xâu 260.000 đồng. Riêng Nguyễn Tiến T lợi dụng khi Cơ quan Công an đang làm việc thì bỏ trốn khỏi hiện trường.

Kết quả điều tra xác định số tiền 700.000 đồng thu giữ của Phan D, số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Lê Hữu N đều sử dụng vào việc đánh bạc nên tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 9.560.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc bát bằng sứ; 01 cái đĩa bằng sứ; 04 con vị; 01 lon kim loại; 01 cái kéo cán màu xanh; 20 con bài tây; số tiền 29.560.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSTPH ngày 05/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Đặng Thị Kim A, Lê Hữu N, Nguyễn Tiến T, Đỗ Dương Xuân M, Phan D, Đặng Văn L2, Nguyễn Văn K và Lê Thị H2 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Thị Kim A, Lê Hữu N, Nguyễn Tiến T, Đỗ Dương Xuân M, Phan D, Đặng Văn L2, Nguyễn Văn K và Lê Thị H2 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Hữu N. Xử phạt bị cáo Lê Hữu N từ 09 đến 10 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T từ 09 đến 10 tháng tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt với Bản án số 37/2023/HS-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đặng Thị Kim A, Đỗ Dương Xuân M, Phan D, Đặng Văn L2, Nguyễn Văn K và Lê Thị H2.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Thị Kim A từ 09 đến 10 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Dương Xuân M, Phan D, Đặng Văn L2, Nguyễn Văn K, Lê Thị H2 mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Dương Xuân M, Phan D, Đặng Văn L2, Nguyễn Văn K mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 9.560.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc; trả lại cho các bị cáo Đặng Thị Kim A số tiền 8.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Dương Xuân M số tiền 12.000.000 đồng do các bị cáo không sử dụng để đánh bạc nhưng cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bát bằng sứ, 01 cái đĩa bằng sứ, 04 con vị, 01 cái lon bằng kim loại hình tròn dùng để đựng tiền xu, 01 cái kéo cán màu xanh, 20 con bài tây.

Ý kiến và lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định:

Khoảng 17 giờ ngày 01/4/2022, tại nhà trọ của Đặng Thị Kim A ở thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Nguyễn Tiến T, Nguyễn Văn K, Đỗ Dương Xuân M, Lê Hữu N, Phan D và Đặng Văn L2 có hành vi đánh bạc trái phép, dưới hình thức đánh bài “Xóc đĩa”, được thua bằng tiền, với tổng số tiền dùng đánh bạc là 9.560.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Đặng Thị Kim A là người trực tiếp thu tiền xâu, chuẩn bị công cụ (đĩa sứ, bát sứ, bài tú lơ khơ) cho các đối tượng đánh bạc. Các đối tượng tham gia đánh bạc đã bỏ tiền xâu cho Kim A tại thời điểm bắt quả tang là 260.000 đồng. Do Đặng Thị Kim A sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình tổ chức cho 09 người (các bị cáo và Nguyễn Văn T7, Võ Q) thuộc trường hợp chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng phải chịu trách nhiệm hình sự về đồng phạm của tội “Đánh bạc” với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 9.560.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định Lê Thị H2 cùng tham gia đánh bạc với các đối tượng nhưng vừa mới nghỉ và có mặt tại thời điểm Cơ quan điều tra bắt quả tang; Nguyễn Tiến T lợi dụng khi đang tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thì bỏ trốn khỏi hiện trường nên Lê Thị H2 và Nguyễn Tiến T phải chịu chung số tiền dùng đánh bạc là 9.560.000 đồng.

Vì vậy, các bị cáo Đặng Thị Kim A, Nguyễn Văn K, Đỗ Dương Xuân M, Lê Hữu N, Phan D, Đặng Văn L2, Lê Thị H2 và Nguyễn Tiến T đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố.

[3] Xét căn cứ quyết định hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong vụ án, các bị cáo thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Bị cáo Đặng Thị Kim A là người chuẩn bị công cụ để đánh bạc, đồng thời là người thu tiền xâu với số tiền 260.000 đồng nên phải chịu vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo khác cùng nhau tham gia đánh bạc nên đều có vai trò là người thực hành với số tiền dùng để đánh bạc lần lượt là: Bị cáo Lê Hữu N dùng số tiền 700.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Nguyễn Tiến T dùng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Đỗ Dương Xuân M dùng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Phan D dùng số tiền 1.000.000 đồng để đánh

bạc; bị cáo Đặng Văn L2 dùng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Nguyễn Văn K dùng số tiền 700.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Lê Thị H2 dùng số tiền 70.000 đồng để đánh bạc.

Các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, nhưng do háo hức, muốn thu lợi bất chính nên vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng do nhà nước quản lý, nguy hiểm cho xã hội, không những gây mất trật tự tại địa phương mà còn nguy cơ phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên cần xử lý nghiêm. Bị cáo Nguyễn Tiến T có nhân thân xấu; bị cáo Lê Hữu N đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 nên cần cách ly bị cáo T và N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Tiến T, Lê Hữu N đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Đặng Thị Kim A, Nguyễn Văn K, Đỗ Dương Xuân M, Phan D, Đặng Văn L2, Lê Thị H2 không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; tất cả các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền không lớn, đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng thêm Điều 36 Bộ luật Hình sự về cải tạo không giam giữ để giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Do công việc, thu nhập của các bị cáo thấp và không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập.

Áp dụng thêm khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T, A, K, M, D và L2 để xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Đối với Nguyễn Văn T7 và Võ Q đã có hành vi tham gia đánh bạc nhưng đã nghỉ trước khi cơ quan điều tra bắt quả tang, qua nội dung biên bản hỏi cung, biên bản lấy lời khai cũng như xét hỏi tại phiên tòa thì không đủ căn cứ để xác định thời điểm T7, Q tham gia đánh bạc với tổng cộng bao nhiêu tiền. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Văn T7 và Võ Q không có tiền án, tiền sự về hành vi “Đánh bạc”, “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc” nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn S là chồng của bị cáo Đặng Thị Kim A không tham gia đánh bạc; ông Phan C không biết vợ chồng Đặng Thị Kim A thuê mặt bằng ở rồi sử dụng cho các bị cáo đánh bạc để thu tiền tiêu nên không có cơ sở xem xét xử lý.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 9.560.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên tịch thu S1 nhà nước

Trả lại cho các bị cáo Đặng Thị Kim A số tiền 8.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Dương Xuân M số tiền 12.000.000 đồng là số tiền thu giữ trong người các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc nhưng cần tiếp tục tạm giữ toàn bộ số tiền trên để bảo đảm thi hành án.

Đối với 01 chiếc bát bằng sứ, 01 cái đĩa bằng sứ, 04 con vị, 01 cái lon bằng kim loại hình tròn dùng để đựng tiền xu, 01 cái kéo cán màu xanh, 20 con bài tây là công cụ dùng vào việc phạm tội, không công giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đặng Thị Kim A, Lê Hữu N, Nguyễn Tiến T, Đỗ Dương Xuân M, Phan D, Đặng Văn L2, Nguyễn Văn K và Lê Thị H2 phạm tội: “Đánh bạc”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Lê Hữu N.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu N 08 (tám) tháng 18 (mười tám) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 03/8/2022. Trả tự do cho bị cáo Lê Hữu N ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 37/2023/HS-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/10/2022.

Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tiến T 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

1.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đặng Thị Kim A, Đỗ Dương Xuân M, Phan D, Đặng Văn L2, Nguyễn Văn K và Lê Thị H2.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị Kim A 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Đặng Thị Kim A cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đặng Thị Kim A.

Xử phạt bổ sung bị cáo Đặng Thị Kim A 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Đỗ Dương Xuân M 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Đỗ Dương Xuân M cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đỗ Dương Xuân M.

Xử phạt bổ sung bị cáo Đỗ Dương Xuân M 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Phan D 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Phan D cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phan Duy .

Xử phạt bổ sung bị cáo Phan D 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn L2 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Đặng Văn L2 cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đặng Văn L2.

Xử phạt bổ sung bị cáo Đặng Văn L2 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn K.

Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn K 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị H2.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị H2 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Lê Thị H2 cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Thị H2.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 9.560.000 đồng (chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Thị Kim A số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), trả lại cho bị cáo Đỗ Dương Xuân M số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) nhưng cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án.

Số tiền đang được tạm giữ tại Ngân hàng Q1 - Chi nhánh H5, theo biên lai thu tiền giữa ông Lê Minh H4 (Thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H) và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H lập ngày 06/01/2023.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bát bằng sứ, 01 cái đĩa bằng sứ, 04 con vị, 01 cái lon bằng kim loại hình tròn dùng để đựng tiền xu, 01 cái kéo cán màu xanh, 20 con bài tây.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/01/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Đặng Thị Kim A, Lê Hữu N, Nguyễn Tiến T, Đỗ Dương Xuân M, Phan D, Đặng Văn L2, Nguyễn Văn K và Lê Thị H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND tỉnh TT. Huế;
- Sở Tư pháp TT. Huế;
- PV06 CA tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CA thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Văn Hạnh